TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 21-02-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Châu.

Ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 133/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Khương Văn Ph; Địa chỉ: thôn 3, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:*

Bà Nguyễn Thị Thanh K – Vắng mặt;

Ông Nguyễn V – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Ch; Địa chỉ: thôn 3, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2019 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn ông Khương Văn Ph trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 03-01-2014 ông Khương Văn Ph có cho vợ chồng ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Thanh K vay số tiền 120.000.000 đồng (khoản tiền này là tài sản chung của ông Ph và vợ là Phạm Thị Ch). Các bên thống nhất viết nội dung vay mượn vào giấy, bà K đại diện ký tên, hẹn đến ngày 03-3-2014 ông V, bà K sẽ thanh toán cho ông Ph, bà Ch, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng nhưng không viết vào giấy vay tiền. Đến ngày 19-3-2014 ông V, bà K đã trả ông Ph, bà Ch 45 kg hồ tiêu trị giá 5.755.000 đồng và 200 kg cà phê nhân khô trị giá 8.040.000 đồng. Hiện ông V, bà K còn nợ ông Ph, bà Ch 106.200.000 đồng, đã quá hạn nhưng ông V, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Ph, bà Ch. Ông Ph yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà K phải thanh toán cho ông Ph, bà Ch khoản tiền 106.200.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ch trình bày: Ngày 03-01-2014 chông bà Ch là ông Khương Văn Ph có cho vợ chồng ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Thanh K vay số tiền 120.000.000 đồng (khoản tiền này là tài sản chung của ông Ph và bà Ch). Đến ngày 19-3-2014 ông V, bà K đã trả ông Ph, bà Ch 45 kg hồ tiêu trị giá 5.755.000 đồng và 200 kg cà phê nhân khô trị giá 8.040.000 đồng. Hiện ông V, bà K còn nợ ông Ph, bà Ch 106.200.000 đồng, đã quá hạn nhưng ông V, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Ph, bà Ch. Bà Ch yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà K phải thanh toán cho ông Ph, bà Ch khoản tiền 106.200.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thanh K phải thanh toán cho ông Khương Văn Ph và bà Phạm Thị Ch số tiền 106.200.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn V phải liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh K thanh toán nợ cho ông Khương Văn Ph và bà Phạm Thị Ch.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh K nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bị đơn ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Thanh K có địa chỉ tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đăk N. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Thanh K. Tòa án đã xác minh tại Công an xã Nam Xuân, thể hiện ông V, bà K có đăng ký tạm trú, có nhà ở, sinh sống tại thôn S, xã X, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Tuy nhiên từ tháng 3 năm 2019 ông V, bà K thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho ông Ph biết. Vì vậy chính quyền địa phương và ông Ph không xác định được nơi sinh sống và làm việc của ông V, bà K.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."*

Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a) *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"*

Theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp: Ngày 03-01-2014 ông Khương Văn Ph cho bà Nguyễn Thị Thanh K vay số tiền 120.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, bà K ký tên vào giấy vay tiền, thỏa thuận ngày 03-3-2014 sẽ thanh toán. Khoản tiền 120.000.000 đồng là tài sản chung của ông Ph và vợ là Phạm Thị Ch. Bà K đã trả ông Ph, bà Ch được 13.795.000 đồng. Vì vậy bà K còn phải thanh toán khoản nợ 106.200.000 đồng cho ông Ph và bà Ch.

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được bà K là người có nghĩa vụ đối với ông Ph và bà Ch, nhưng bà K không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận giữa hai bên, bà thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo cho chính quyền địa phương và không thông báo địa chỉ mới cho ông Ph, bà Ch, vì vậy xác định bà K cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền.

[3]. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Th Kiều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V, bà K vẫn không có mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng vay tài sản giữa ông Khương Văn Ph, bà Phạm Thị Ch và ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị Thanh K được thể hiện tại "Giấy mượn tiền" được bà Phạm Thị Ch viết và bà K ký tên vào phần người mượn tiền. Trong Giấy vay tiền đề ngày 03-01-2014 thể hiện "vợ chồng K V có nợ Ph Ch 120.000.000 đồng". Tuy nhiên chỉ có bà K ký nhận nợ với ông Ph, bà Ch. Trong quá trình giải quyết vụ án bà K, ông V không tham gia tố tụng, đồng thời ông Ph, bà Ch không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đây là khoản nợ chung của ông V, bà K, nên Tòa án không có căn cứ để buộc ông V phải có nghĩa vụ cùng bà K thanh toán nợ cho ông Ph và bà Ch. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà K phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Ph, bà Ch. Vào ngày 19/3/2014 bà K đã thanh toán cho ông Ph, bà Ch 45 kg hồ tiêu trị giá 5.755.000 đồng và 200 kg cà phê nhân khô trị giá 8.040.000 đồng, tổng số tiền bà K đã thanh toán ông Ph, bà Ch là 13.795.000 đồng. Hiện bà K còn nợ ông Ph, bà Ch số tiền 106.200.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà K phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền trên cho ông Ph, bà Ch.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Khương Văn Ph.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 274, 275, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông bà Nguyễn Thị Thanh K phải thanh toán cho ông Khương Văn Ph và bà Phạm Thị Ch số tiền 106.200.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn V phải có nghĩa vụ cùng bà Nguyễn Thị Thanh K thanh toán khoản nợ cho ông Khương Văn Ph, bà Phạm Thị Ch.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sở thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 5.310.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Khương Văn Ph 2.655.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001625 ngày 21-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

6. *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tím